

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HSST
Ngày: 18/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Thiết.

Ông Triệu Đình Đường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/HSST ngày 07/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23 tháng 01 năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Qu, huyện B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Triệu Văn T và bà Hà Thị; có vợ là Hoàng Thị Đ và 01 con (sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/10/2010 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 12 tháng. Ngày 30/12/2013 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng. Tại bản án số 44/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 đã xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2020 đến ngày 05/5/2020, hiện nay đang tại ngoại. Có mặt.

2. Nông Văn Ch (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 5 năm 1968 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Nông Văn S (đã hi sinh) và bà Lâm Thị O; có vợ là Hà Thị L và 02 con (Con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản

án số 26/2010/HSPT ngày 21/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 đã xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích. Ngày 21/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2020 đến ngày 05/5/2020, hiện nay đang tại ngoại. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Hà Thị L, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Ba Ph, xã C, huyện B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/4/2020, tại khu vực tổ 8A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang đối với Nông Văn Ch đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FERROLI màu xanh, biển kiểm soát 97AA-001.xx chở Triệu Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đã phát hiện, thu giữ của Nông Văn Ch: 01 (một) gói được gói bằng băng dính màu đen, bên trong có một túi nilon trong suốt có viền màu đỏ chứa chất màu trắng dạng cục và dạng bột (niêm phong trong phong bì ký hiệu C1) tại túi áo mưa bên trái đằng trước Ch đang mặc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) cuộn băng dính màu đen và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FERROLI màu xanh, biển kiểm soát 97AA-001.xx cùng 01 chìa khóa xe đã qua sử dụng. Phát hiện, thu giữ của Triệu Văn H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đỏ đen đã qua sử dụng tại túi áo khoác ngoài H đang mặc.

Ngày 27/4/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nông Văn Ch tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh B1 nhưng không tạm giữ đồ vật tài liệu gì.

Nông Văn Ch khai nhận: Toàn bộ số chất màu trắng dạng cục và dạng bột thu giữ trên người Ch trong quá trình bắt quả tang là ma túy, loại Heroine do Ch và H cùng nhau đi mua tại thành phố Th, tỉnh Th1 với mục đích mang về để cùng nhau sử dụng, cụ thể như sau: Khoảng 14 giờ ngày 26/4/2020, H gọi điện thoại từ số thuê bao 09816127xx vào số thuê bao 07022075xx của Ch để rủ Ch đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng nhưng H không có tiền, Ch đồng ý và cả hai thống nhất đi mua ma túy bằng tiền của Ch. Một lúc sau, Ch điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97AA – 001.xx đến nhà H rồi đèo H đi thành phố Th, tỉnh Th1 tìm mua ma túy. Trên đường đi Ch là người điều khiển xe, khi đến khu vực ngã ba đường rẽ vào khu công nghiệp Th thuộc xã T, huyện Ch, tỉnh B thì Ch dừng xe để H vào hiệu thuốc mua 02 (hai) xi lanh và 02 (hai) lọ nước cất bằng tiền H. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực phường Qu, thành phố Th, tỉnh Th1 thì Ch dừng xe và đưa cho H 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để H đi tìm mua ma túy, còn Ch đỗ xe đứng ở ngoài đường đợi. H cầm tiền đi gặp một người phụ nữ đeo khẩu trang, không quen biết mua 01 (một) gói ma túy loại Heroine. Sau khi mua được ma túy thì H ra chỗ Ch

đứng đợi rồi cả hai cùng đi về. Trên đường về Ch là người điều khiển xe, H là người cầm ma túy, khi đi đến khu vực gần Trạm thu phí trên đường cao tốc Th – Ch thì Ch dừng xe để cả hai cùng sử dụng ma túy. H trích một phần ma túy từ gói ma túy vừa mua được rồi cả hai cùng nhau sử dụng, số ma túy còn lại H đưa cho Ch cất giữ để mang về cùng nhau sử dụng tiếp. Ch lấy băng dính đen quấn lại gói ma túy cho chắc chắn và cất vào túi áo mưa đang trước bên trái của Ch đang mặc. Sau đó Ch điều khiển xe chở H đi về Bắc Kạn, trên đường về Ch và H có thay nhau điều khiển xe, khi về đến khu vực ngã tư đèn tín hiệu giao thông thuộc tổ 8A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1 thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Triệu Văn H khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 26/4/2020, H gọi điện thoại từ số thuê bao 09816127xx vào số thuê bao 07022075xx của Ch để rủ Ch đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng nhưng H không có tiền, Ch đồng ý và cả hai thống nhất đi mua ma túy bằng tiền của Ch. Một lúc sau Ch điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97AA – 001.xx đến nhà H rồi đèo H đi đến thành phố Th mua ma túy. Trên đường đi Ch là người điều khiển xe, khi đến khu vực ngã ba đường rẽ vào khu công nghiệp Th thuộc xã T, huyện Ch, tỉnh B thì Ch dừng xe để H vào hiệu thuốc mua 02 (hai) xi lanh và 02 (hai) lọ nước cất với giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) bằng tiền H. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến khu vực phường Qu, thành phố Th, tỉnh Th1 thì Ch dừng xe và đưa cho H 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để H đi tìm mua ma túy, còn Ch đỗ xe đứng ở ngoài đường chờ. H cầm tiền đi tìm mua ma túy thì gặp một người phụ nữ đeo khẩu trang không quen biết, qua nói chuyện biết người này bán ma túy nên H đã hỏi mua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) ma túy loại Heroine thì được người này đưa cho 01 (một) gói. Sau khi mua được ma túy thì H đi ra chỗ Ch đứng đợi rồi cả hai cùng đi về. Trên đường về Ch là người điều khiển xe, H là người cầm ma túy, khi đi đến khu vực gần Trạm thu phí trên đường cao tốc Th– Ch thì Ch dừng xe để cả hai cùng sử dụng ma túy. H trích một phần ma túy từ gói ma túy vừa mua được rồi cả hai cùng sử dụng, số ma túy chưa sử dụng H gói lại rồi đưa cho Ch cất giữ để mang về nhà cùng nhau sử dụng tiếp. Sau đó Ch điều khiển xe chở H đi về B, trên đường về Ch và H có thay nhau điều khiển xe, khi về đến khu vực ngã tư đèn tín hiệu giao thông thuộc tổ 8A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1 thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng. Triệu Văn H thừa nhận số chất màu trắng dạng cục và dạng bột thu giữ trên người Nông Văn Ch khi bị bắt quả tang là ma túy do Ch và H tàng trữ để cùng nhau sử dụng.

Tiến hành cân riêng số chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột thu giữ của Nông Văn Ch và Triệu Văn H có khối lượng 0,32 gam, niêm phong trong phong bì M1, phong bì và giấy gói cũ niêm phong vào phong bì M2.

Tại bản Kết luận giám định số 74/KTHS-MT ngày 29/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,32g (không phải ba hai gam)” .

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSTPBK ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nông Văn Ch, Triệu Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) ...

b) ...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn Ch và Triệu Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn H từ 13 đến 16 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn Ch từ 13 đến 16 tháng tù.

Hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì kí hiệu T74 và dòng chữ “Vụ: Nông Văn Ch (1968) và Triệu Văn H (1974) tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu M2 có dòng chữ “Phong bì và túi nilon cũ vụ Nông Văn Ch và Triệu Văn H lưu hồ sơ vụ án”; 01 (một) cuộn băng dính màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3, mặt trước phong bì có dòng chữ “Cuộn băng dính màu đen thu giữ trong quá trình bắt quả tang đối với Nông Văn Ch và Triệu Văn H ngày 26/4/2020”. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ đen đã qua sử dụng. Trả lại bà Hà Thị L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, màu xanh, biển kiểm soát 97AA – 001.xx, số khung: XB65514, số máy: FMB065514 cùng một chìa khóa xe đã qua sử dụng

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn Ch và Triệu Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 26/4/2020, tại khu vực tổ 8A, phường Ph, thành phố B, tỉnh B1 tổ công tác của Công an thành phố B đã bắt quả tang Nông Văn Ch và Triệu Văn H đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,32 gam ma túy, loại Heroine để cùng nhau sử dụng chung.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với bị cáo Nông Văn Ch: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Tại bản án số 26/2010/HSPT ngày 21/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 đã xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích. Ngày 21/3/2012 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có bố đẻ là liệt sĩ và được tặng Huân chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Triệu Văn H: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Ngày 06/10/2010 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng. Ngày 30/12/2013 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh B1 áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng. Tại bản án số 44/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 đã xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, trước khi phạm tội các bị cáo không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên xác định là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Tuy nhiên, xét vai trò của các bị cáo thấy bị cáo H là người khởi xướng việc phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện chất ma túy, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì kí hiệu T74 và dòng chữ “Vụ: Nông Văn Ch (1968) và Triệu Văn H (1974) tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu M2 có dòng chữ “Phong bì và túi nilon cũ vụ Nông Văn Ch và Triệu Văn H lưu hồ sơ vụ án”. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, có 08 (tám) chữ ký không đọc được, 01 (một) dòng chữ Nông Văn Ch, 01 (một) dòng chữ Triệu Văn H, 01 (một) dòng chữ Bùi Viết M, 01 (một) dòng chữ Hứa Thị H. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) cuộn băng dính màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3, mặt trước phong bì có dòng chữ “Cuộn băng dính màu đen thu giữ trong quá trình bắt quả tang đối với Nông Văn Ch và Triệu Văn H ngày 26/4/2020”. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của UBND phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, có 05 (năm) chữ ký không đọc được, 01 (một) chữ Ch. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. Tất cả không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, số seri: 356231048687223 bị dán đề lên thay bằng số IMEI 3559301/04/334602/2, bên trong điện thoại có lắp 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 07022075xx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ đen đã qua sử dụng, số seri 1: 359604053390700 và số seri 2: 359604053390718, bên trong điện thoại có lắp 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 09816127xx. Là tài sản của các bị cáo sử dụng vào liên lạc phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, màu xanh, biển kiểm soát 97AA – 001.xx, số khung: XB65514, số máy: FMB065514 cùng một chìa khóa xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra đã xác định chiếc xe là tài sản của bà Hà Thị L. Việc bị cáo Ch sử dụng xe vào việc đi mua ma túy bà L không biết. Tại phiên tòa bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị được nhận lại chiếc xe, chìa khóa xe. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần trả lại chiếc xe, chìa khóa xe cho bà L.

* Trong vụ án này còn có người phụ nữ đã bán ma túy cho Triệu Văn H, do H và Ch không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Nông Văn Ch, Triệu Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2020 đến ngày 05/5/2020.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38 ; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Văn Ch 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2020 đến ngày 05/5/2020.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu T74 và dòng chữ “Vụ: Nông Văn Ch (1968) và Triệu Văn H (1974) tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặt sau phong bì có 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ký hiệu M2 có dòng chữ “Phong bì và túi nilon cũ vụ Nông Văn Ch và Triệu Văn H lưu hồ sơ vụ án”. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Kạn, có 08 (tám) chữ ký không đọc được, 01 (một) dòng chữ Nông Văn Ch, 01 (một) dòng chữ Triệu Văn H, 01 (một) dòng chữ Bùi Viết M, 01 (một) dòng chữ Hứa Thị H. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn; 01 (một) cuộn băng dính màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3, mặt trước phong bì có dòng chữ “Cuộn băng dính màu đen thu giữ trong quá trình bắt quả tang đối với Nông Văn Ch và Triệu Văn H ngày

26/4/2020”. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của UBND phường Ph, thành phố B, có 05 (năm) chữ ký không đọc được, 01 (một) chữ Ch. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen đã qua sử dụng, số seri: 356231048687223 bị dán đè lên thay bằng số IMEI 3559301/04/334602/2, bên trong điện thoại có lắp 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 07022075xx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đỏ đen đã qua sử dụng, số seri 1: 359604053390700 và số seri 2: 359604053390718, bên trong điện thoại có lắp 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 09816127xx.

- Trả lại bà Hà Thị L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FERROLI, màu xanh, Biển kiểm soát 97AA – 001.xx, số khung: XB65514, số máy: FMB065514 cùng một chìa khóa xe đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn Ch, Triệu Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSDT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- **Các** bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương

